

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
Công trình: Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương,
tỉnh Thanh Hoá**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 20/4/2016 (kèm theo hồ sơ) của UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương; Công văn số 1516/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/4/2016 của Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

I. Vị trí, địa điểm xây dựng: Xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.

II. Quy mô, giải pháp kỹ thuật

1. Phần cầu: Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 3×10^{-3} Mpa; tần suất thiết kế $P=1\%$; khổ thông thuyền tương ứng với sông cấp 6. Khổ cầu $B=8+2 \times 0,5+1=10$ m (phần xe chạy 8 m, lan can mỗi bên 0,5 m, phần đặt hệ thống dẫn nước 1 m). Chiều dài toàn cầu $L=110,2$ m.

1.1. Kết cấu phần trên

- Kết cấu nhịp: nhịp giản đơn 3×33 m bằng BTCT dự ứng lực 40 Mpa, tiết diện chữ T. Mặt cắt ngang gồm 5 phiến dầm, các dầm chủ được liên kết với nhau bằng dầm ngang và mỗi nối dọc bằng BTCT 40 Mpa. Mặt cầu bằng bê tông

30Mpa, lưới thép dày (6-14)cm, lớp phủ chống thấm bằng vật liệu Tamisil 7 (hoặc tương đương).

- Gối cầu bằng cao su bản thép, kích thước (300x400x78)mm, khả năng chịu lực theo phương thẳng đứng 120T.

- Lan can hồ hợp bằng BTCT 30Mpa, gang đúc kết hợp ống PVC.

- Thoát nước mặt cầu: Mỗi nhịp bố trí 06 ống thoát nước bằng gang đúc kết hợp ống PVC.

- Gối kê ống dẫn nước: Bằng BTCT 30Mpa, bố trí bên trái cầu (phía hạ lưu), khoảng cách 1m/gối.

1.2. Kết cấu phần dưới

a) Mố cầu

- Mố kiểu tường, dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa, đặt trên hệ cọc đóng bằng BTCT 30Mpa, tiết diện (40x40)cm, mỗi mố gồm 32 cọc, chiều dài dự kiến $L=25m$.

- Lòng mố đắp bằng vật liệu thoả nước đạt độ chặt $K \geq 0,98$, trước khi đắp quét nhựa đường chống thấm tường mố.

- Bản chuyển tiếp giữa cầu và đường bằng BTCT 25Mpa, đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Gia cố tứ nón bằng đá hộc xây vữa xi măng 10Mpa dày 30cm; chân khay bằng bê tông 12Mpa, kích thước (60+50)x100cm, gia cố chân khay bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

- Mặt đường trên mố như kết cấu mặt đường của tuyến đường.

- b) Trụ cầu: Hai trụ có cầu tạo giống nhau dạng thân đặc bằng BTCT 30Mpa, đặt trên hệ móng cọc đóng bằng BTCT 30Mpa, tiết diện (40x40)cm, mỗi mố trụ gồm 32 cọc, chiều dài dự kiến $L=25m$.

2. Phần đường: Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN4054-2005. Tốc độ thiết kế $V_{tk}=30km/h$.

Tổng chiều dài tuyến $L=1.789,75m$, trong đó tuyến chính (bao gồm cả cầu) dài $L=1.316,9m$ (Điểm đầu Km0 nối với đường nhựa tại thôn Ngọc Trà 2, điểm cuối Km1+316,9 đi vào thôn Dũng, xã Quang Trung), tuyến nhánh dài $L=472,85m$ (điểm đầu Km0 giao với tuyến chính tại Km0+403,88, điểm cuối Km0+472,85 nối vào đường nhựa hiện tại thuộc thôn Lộc Tiến, xã Quang Trung).

- a) Bình đồ tuyến: Tuyến trùng với quy hoạch vùng huyện Tĩnh Gia và quy hoạch đô thị Bắc Ghép. Bán kính đường cong nhỏ nhất $R_{min}=30m$.

- b) Cắt dọc: Cao độ thiết kế đảm bảo tần suất thủy văn $P=4\%$, cao độ các điểm vượt nối đảm bảo êm thuận.

c) Cắt ngang:

- Bề rộng nền đường: $B_n=6,5m$; độ dốc ngang $i_l=4\%$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5m$; độ dốc ngang $i_m=3\%$.

- Bề rộng lề đường: $B_{le}=2 \times 1,5\text{m}$ (Trong đó, lề đường tuyến chính được gia cố $2 \times 0,75\text{m}$, lề đất $2 \times 0,75\text{m}$; tuyến nhánh không gia cố lề).

- Riêng đoạn 10m đuôi mỏ cầu có bề rộng $B_n=B_m=8\text{m}$.

d) Kết cấu nền đường: Nền đường đắp bằng đất đồi, đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$, riêng lớp đất dày 30cm sát lớp kết cấu mặt đường đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$. Độ dốc mái taluy nền đường đắp 1/1,5, gia cố bằng trồng cỏ.

- Kết cấu móng, mặt đường, lề gia cố: Móng cấp phối đá dăm dày 45cm (lớp trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, lớp dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm), mặt đường láng nhựa tiêu chuẩn $4,5\text{kg/m}^2$, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m^2 . Cường độ mặt đường yêu cầu $E_y \geq 80\text{Mpa}$.

e) Thoát nước

- Thoát nước dọc: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc đất.

- Thoát nước ngang: Tuyến chính xây dựng 03 cống bản khẩu độ $KĐ=1\text{m}$. Kết cấu tấm bản bằng BTCT M250; mũ mỏ bằng BTCT M200; móng, thân, tường cánh, gia cố sân cống bằng bê tông M150 đặt trên lớp đá dăm dày 10cm. Móng cống được gia cố cọc tre dài 2,5m, mật độ 20 cọc/ m^2 .

g) Hoàn trả đường trên đê: Chiều dài 188m, quy mô $B_n=4,5\text{m}$, $B_m=3,5\text{m}$, $B_{le}=2 \times 0,5\text{m}$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông M300 dày 22cm, móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm. Nền đường được san gạt, đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

h) Vuốt nổi đường ngang: Vuốt nổi đường ngang đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Kết cấu mặt đường bằng bê tông M300 dày 22cm, Nền đường được san gạt, đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

i) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo đúng quy định trong quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2012/BGTVT.

3. Hệ thống mương thủy lợi: Hoàn trả đoạn mương thủy lợi từ bể điều phối (gần mỏ M1) đến mương hiện có (phía mỏ M2), trong đó:

- Phần mương trên cầu bằng ống thép D813, liên kết giữa các đốt ống bằng mặt bích có gioăng cao su đệm và bu lông. Đường ống được đặt trên các gối đỡ bằng BTCT M200 trên phần bản mặt cầu mở rộng, khoảng cách 1m/gối. Phần đi ngầm qua đường, ống được đặt trong rãnh kín, tiết diện $(1 \times 0,95)\text{m}$; kết cấu móng dày 20cm, thân dày 30cm bằng bê tông M150, mũ rãnh bằng BTCT M200, nắp rãnh bằng BTCT M250.

- Đoạn mương trên bờ từ bể thu nước gần mỏ M2 đến mương hiện tại (nằm về phía phải của đê hữu phía hạ lưu cầu) có kết cấu hình chữ nhật, tiết diện $(90 \times 70)\text{cm}$; thành mương bằng gạch xây vữa xi măng M75 dày 22cm, trát 2 mặt; đáy mương bằng bê tông xi măng M100 dày 15cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Những vị trí cắt qua đường ngang, mương có nắp chịu lực bằng BTCT M250 dày 15cm; mũ mương bằng BTCT M200; móng, tường mương bằng bê tông M150, dày 30cm.

4. Gia cố mái đê: Tổng chiều dài gia cố 550,86m, trong đó phía thượng lưu cầu bên tả là 400m (mái đắp tuyến nhánh), phía hạ lưu cầu bên hữu là

150,86m. Kết cấu mái dè bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 25cm, chân khay bằng bê tông M150, kích thước (60+50)x100cm; chân khay được đặt trên hệ cọc tre dài 2,5cm, mật độ 20 cọc/m².

(chi tiết các hạng mục có hồ sơ kèm theo)

III. Dự toán và nguồn vốn:

- Dự toán:		48.230.950 nghìn đồng;
Trong đó:	- Chi phí GPMB	: 483.828 nghìn đồng;
	- Chi phí xây dựng	: 37.489.099 nghìn đồng;
	- Chi phí quản lý dự án	: 620.199 nghìn đồng;
	- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 2.981.988 nghìn đồng;
	- Chi phí khác	: 2.345.497 nghìn đồng;
	- Chi phí dự phòng	: 4.310.339 nghìn đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh đầu tư theo kế hoạch hàng năm; riêng phần kinh phí bồi thường GPMB do huyện Quảng Xương đảm nhiệm.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Đồng thời trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại báo cáo thẩm định số 1516/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/4/2016 của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

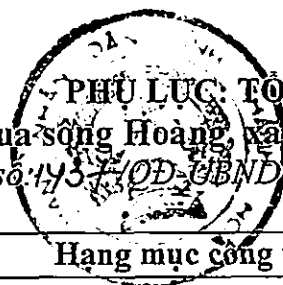
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Tuấn



PHỤ LỤC: TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Công trình: Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương
(kèm theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Hạng mục công việc	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng	37.489.099
II	Chi phí QLDA	620.199
III	Chi phí TVĐTXD	2.981.988
1	Thẩm tra TKBVTC	39.310
2	Thẩm tra dự toán	37.657
3	Giám sát kỹ thuật thi công	761.375
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	74.978
5	Lập HSMT, đánh giá HSDT Tư vấn KSTK lập DAĐT	2.000
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT Tư vấn KS lập TKBVTC	2.000
7	Lập HSMT, đánh giá HSDT Tư vấn giám sát	2.000
8	Khảo sát bước lập DAĐT	558.919
9	Lập DAĐT	165.676
10	Khảo sát lập TKBVTC	491.791
11	Lập TKBVTC-DT	459.434
12	Thí nghiệm nền tĩnh cọc (tạm tính)	200.000
13	Lập HS thiết kế, cắm cọc GPMB (tạm tính)	40.000
14	Giám sát, đánh giá dự án	124.039
15	Thẩm tra hiệu quả dự án	22.830
IV	Chi phí khác	2.345.497
1	Bảo hiểm công trình	157.454
2	Rà phá bom mìn (tạm tính)	300.000
3	Lệ phí thẩm định DA Đt	7.067
4	Thẩm định TK BVTC	9.082
5	Thẩm định DT	8.720
6	Thẩm định HSMT, KQĐT xây lắp	34.081
7	Thẩm định HSMT, KQĐT tư vấn KS TK lập DAĐT	2.000
8	Thẩm định HSMT, KQĐT tư vấn KS lập TKBVTC	2.000
9	Thẩm định HSMT, KQĐT tư vấn giám sát	2.000
10	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	30.000
11	Chi phí kiểm toán công trình	431.317
12	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	124.431
13	Chi phí hạng mục chung	1.237.435
-	Chi phí trực tiếp khác	749.782
-	Chi phí lán trại phần đường	225.523
-	Chi phí lán trại phần cầu	262.130
V	Chi phí GPMB	483.828
VI	Dự phòng	4.310.339
	Tổng cộng	48.230.950